TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTMST
Ngày 26 tháng 02 năm 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
phân phối hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Thị Út

2. Bà Khưu Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXX- KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn GROBEST

Địa chỉ: Số 9, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hải V – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thanh H, sinh năm 1996. Địa chỉ liên hệ: Phòng 2002, Tầng 20, Tòa nhà Centec, 72-74, Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. *(Giấy ủy quyền số 0302/2021/GUQ ngày 03/02/2021)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Thị Trâm, sinh năm 1987 – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Luật Việt. Địa chỉ liên hệ: Phòng 2002,

Tầng 20, Tòa nhà Centec, 72-74, Nguyễn Thị Minh Khai, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Ông Trần Quan B – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T

Địa chỉ: Số 1A, Hoàng Văn Thụ, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Huyền, bà Trâm và ông Bảo có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thanh H trình bày:

Ngày 02/01/2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn GROBEST và ông Trần Quan B có ký kết hợp đồng phân phối thức ăn tôm số: 01HM, SM, SU, VA/BAL 2015. Theo đó, công ty đồng ý giao cho ông B làm nhà phân phối cấp I để phân phối sản phẩm thức ăn tôm nhãn hiệu Grobest Group, Hải Mã, Smart New, Sunny New, tăng trọng the Best, Vannamei Group, Vannamei do công ty sản xuất với các điều khoản chính sau đây:

+ Điều 4.1: Địa điểm giao hàng tại kho Biên Hòa 2 – Địa chỉ: Số 9, đường 3A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc kho của công ty tại Bạc Liêu.

+ Điều 5.1: Bên B (ông B) thanh toán 100% tiền hàng cho bên A (Công ty) trước và ngay sau khi nhận hàng.

Ngày 22/6/2016, công ty và ông B ký kết phụ lục số 05/2016 của hợp đồng. Theo đó, ông Bảo xác nhận tổng số nợ của ông B tính đến ngày ký kết phụ lục hợp đồng (22/6/2016) là 7.634.630.340 đồng. Theo Điều 2.2 của phụ lục hợp đồng, ông B có nghĩa vụ thanh toán tổng số nợ cho công ty vào ngày 15/9/2016. Tuy nhiên, đến ngày 15/9/2016, ông B vẫn không hoàn tất nghĩa vụ thanh toán nợ cho công ty.

Công ty và ông B có ký kết bảng đối chiếu công nợ từ ngày 01/5/2020 đến 31/5/2020. Theo đó, ông B xác nhận còn nợ công ty số tiền 7.620.086.340 đồng.

Mặc dù, công ty đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông B thanh toán dứt điểm khoản nợ nêu trên nhưng cho đến nay ông B vẫn chưa thực hiện thanh toán và vẫn còn nợ công ty số tiền hàng hóa là 7.620.086.340 đồng. Việc ông B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thời hạn đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của công ty.

Nay công ty yêu cầu ông Trần Quan B thanh toán các khoản tiền cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 7.620.086.340 đồng *(Bảy tỷ, sáu trăm hai mươi triệu, không trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi đồng).*

- Nợ lãi tính từ ngày 16/9/2016 đến ngày 26/02/2021 là 4.577.062.272 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán nợ gốc tính từ ngày 27/02/2021 cho đến khi ông Trần Quan B thanh toán dứt điểm khoản nợ gốc.

- Tiền phạt vi phạm hợp đồng là 609.606.907 đồng *(Sáu trăm lẻ chín triệu, sáu trăm lẻ sáu ngàn, chín trăm lẻ bảy đồng).*

**** Bị đơn ông Trần Quan B trình bày:***

Thống nhất với phần trình bày của đại diện theo ủy quyền của công ty về việc ký kết hợp đồng, ký kết phụ lục hợp đồng, thời hạn thanh toán…

Ông B bắt đầu làm đại lý phân phối cấp I của Công ty Grobest từ khoảng năm 2001, ký kết hợp đồng mỗi năm và thanh lý hợp đồng vào cuối năm. Trong thời gian thực hiện hợp đồng thì có ký xác nhận đối chiếu công nợ với công ty hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì công ty có cho ông B chậm thanh toán tiền hàng theo hình thức gối đầu, tạo điều kiện để cho đại lý cấp II thanh toán cho ông B thì sau đó ông B mới thanh toán đủ tiền hàng cho công ty. Việc thanh toán được hoàn tất vào mỗi cuối năm.

Đến khoản những năm 2013 - 2015, do tình hình nuôi trồng thủy sản bị thất thu nhiều nên các đại lý cấp II không thanh toán tiền hàng cho ông B dẫn đến việc ông B mất khả năng thanh toán cho công ty. Tuy nhiên công ty vẫn phân phối hàng đều đặn cho ông B. Đến khoảng năm 2016 (không nhớ cụ thể ngày tháng nào), công ty ngưng cung cấp hàng hóa cho ông B, không tiếp tục thực hiện hợp đồng, việc này do công ty tự ý ngưng thực hiện mà không có bất kỳ văn bản, thông báo gì cho ông B biết, do ông B yêu cầu lấy hàng và được nhân viên công ty báo bằng miệng là công ty không cung cấp hàng nữa thì ông mới biết. Từ thời điểm đó đến nay ông B không có hàng để cung cấp cho đại lý cấp II nên các đại lý này không thanh toán tiền hàng cho ông, từ đó ông B không kinh doanh được nên mất khả năng thanh toán tiền cho công ty. Tuy nhiên, ông B vẫn có ký xác nhận đối chiếu công nợ với công ty đầy đủ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của công ty, ông B có ý kiến như sau:

- Thừa nhận còn nợ công ty khoản nợ gốc là 7.620.086.340 đồng và đồng ý trả số tiền nợ gốc. Tuy nhiên, do hiện nay không còn kinh doanh được, không có khả năng thanh toán nên ông yêu cầu được trả dần, khi nào thu hồi nợ được từ đại lý cấp II thì sẽ thanh toán đầy đủ cho công ty.

- Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán và tiền phạt vi phạm hợp đồng thì không đồng ý trả bởi vì công ty tự ý ngưng cung cấp hàng hóa, ngưng việc thực hiện hợp đồng thì đây không phải là lỗi của ông, do công ty không cung cấp hàng nên ông

không kinh doanh được, bị thua lỗ, mất khả năng thanh toán chứ không phải ông cố tình không thanh toán cho công ty. Do đó, ông B không đồng ý trả tiền lãi chậm thanh toán và phạt vi phạm hợp đồng do ông xác định bản thân ông không vi phạm hợp đồng.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Hồ Thị Trâm trình bày***: Hợp đồng phân phối hàng hoá giữa Công ty Grobest và ông Trần Quan B được ký kết đúng quy định, việc ông B chậm thanh toán, vi phạm nghĩa vụ trả tiền hàng là có xảy ra trên thực tế và có ký xác nhận đối chiếu công nợ hàng tháng. Công ty đã gia hạn cho ông B thời hạn trả nợ nhưng ông B vẫn không thanh toán. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Quan B có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng còn nợ, tiền lãi do chậm thanh toán và phạt vi phạm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả tiền nợ mua hàng và tiền lãi do vi phạm thời hạn thanh toán tổng số tiền là: 12.197.148.612 đồng; không chấp nhận đối với yêu cầu phạt vi phạm số tiền 609.606.907 đồng. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật, bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp: Ngày 02/01/2015 Công ty TNHH Grobest và ông Trần Quan B - Chủ DNTN T có ký kết hợp đồng phân phối thức ăn tôm số 01 HM, SM, SU, VA/BAL 2015. Theo đó, công ty đồng ý giao cho ông B làm nhà phân phối cấp I để phân phối sản phẩm thức ăn tôm nhãn hiệu Grobest Group, Hải Mã, Smart New, Sunny New, tăng trọng the Best, Vannamei Group, Vannamei do Công ty sản xuất. Ngày 22/6/2016 Công ty và ông B ký kết phục lục số 05/2016 và ông B xác nhận tổng số nợ tính đến ngày ký kết là 7.634.630.340 đồng. Sau đó, Công ty và ông B có ký bảng đối chiếu công nợ từ ngày 01/5/2020 đến ngày 31/5/2020 với số tiền ông B còn nợ Công ty là 7.620.086.340 đồng. Do ông B đã vi phạm thời hạn thanh toán cho Công ty nên Công ty khởi kiện yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng. Do

đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa theo khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Công ty Grobest khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Quan B thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng phân phối hàng hóa. Ông B có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Về nội dung vụ án:

3.1 Xét hợp đồng phân phối thức ăn tôm số: 01HM, SM, SU, VA/BAL 2015 ngày 02/01/2015:

Hội đồng xét xử thấy rằng các bên có ký hợp đồng sau vào ngày 02/01/2015 và phụ lục hợp đồng số 05/2016 ngày 22/6/2016, việc ký kết hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Mặt khác, các bên đã thực hiện hợp đồng thông qua việc giao nhận hàng hóa theo các hóa đơn, xuất hóa đơn, thanh toán tiền hàng cho các hóa đơn và đối chiếu công nợ. Như vậy, thể hiện ông Trần Quan B đã chấp nhận lời đề nghị, đồng ý giao kết và đã thực hiện hợp đồng trên thực tế với nhà phân phối là Công ty Grobest. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hợp đồng phân phối phát sinh hiệu lực là có căn cứ.

3.2 Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc 7.620.086.340 đồng:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Quan B xác nhận còn nợ Công ty Grobest số tiền nợ gốc là 7.620.086.340 đồng và đồng ý trả số nợ này, chỉ xin được trả dần do hiện nay không còn kinh doanh, điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn. Đồng thời ông B cung cấp cho Tòa án hai bản đối chiếu công nợ (lần gần nhất tính đến ngày 30/11/2020). Điều này phù hợp với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp. Do các đương sự thống nhất thừa nhận nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở buộc ông B có nghĩa vụ trả cho Công tyGrobest số tiền nợ gốc là 7.620.086.340 đồng (Bằng chữ: Bảy tỷ, sáu trăm hai mươi triệu, không trăm tám mươi sáu ngàn, ba trăm bốn mươi đồng) theo Điều 50 Luật thương mại.

3.3 Xét yêu cầu trả số tiền lãi 4.577.062.272 đồng:

Quá trình tham gia tố tụng, ông Trần Quan B xác định không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của Công ty Grobest với lý do Công ty tự ý ngưng cung cấp hàng hóa khiến ông không có hàng để cung cấp cho các đại lý cấp II, không thu tiền hàng được dẫn đến việc kinh doanh bị thua lỗ, mất khả năng thanh toán cho Công ty, điều này không phải lỗi của ông mà là lỗi của Công ty nên ông không đồng ý trả tiền lãi.

Căn cứ khoản 3.7 Điều III. Quyền lợi và trách nhiệm của Bên A của hợp đồng quy định: *"Được quyền ngưng cung cấp hàng, đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và thiết lập đại lý mới, phân chia lại thị trường khi xét thấy Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng các điều khoản Hợp đồng, thanh toán không đúng thời hạn quy định, bán hàng sai khu vực phân phối, bán thêm sản phẩm Công ty khác, bán không đạt sản lượng tối thiểu theo quy định của Bên A hoặc có hành vi khác làm ảnh hưởng đến thương hiệu, quyền lợi, uy tín của Bên A"*

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ thể hiện:

Ngày 22/6/2016, Công ty và ông B ký kết phụ lục số 05/2016 của hợp đồng. Theo đó, ông B xác nhận tổng số nợ của ông B tính đến ngày ký kết phụ lục hợp đồng (22/6/2016) là 7.634.630.340 đồng. Theo Điều 2.2 của phụ lục hợp đồng, ông B có nghĩa vụ thanh toán tổng số nợ cho công ty vào ngày 15/9/2016. Tuy nhiên, đến ngày 15/9/2016, ông B vẫn không hoàn tất nghĩa vụ thanh toán nợ cho công ty. Điều này chứng tỏ ông B đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

Ông Bảo cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng thì công ty có cho ông B chậm thanh toán tiền hàng theo hình thức gối đầu, tạo điều kiện để cho đại lý cấp II thanh toán cho ông B thì sau đó ông B mới thanh toán đủ tiền hàng cho công ty. Tuy nhiên, ông B không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình. Hơn nữa, ông B cũng đã xác định sau khi ông mất khả năng thanh toán, công ty vẫn cung cấp hàng hóa đều đặn cho ông thêm một khoảng thời gian nhưng không nhớ cụ thể là bao lâu.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở xác định quá trình thực hiện hợp đồng, ông Bảo đã vi phạm vào các điều khoản đã thỏa thuận và việc Công ty Grobest ngưng cung cấp hàng hóa cho ông B là đúng quy định và không có lỗi.

Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại thì: "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Căn cứ vào quy định nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 16,725%/năm - Nợ quá hạn trung bình của 03 (Ba) ngân hàng là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Bạc Liêu (lãi suất nợ quá hạn 16,5%/năm), Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Bạc Liêu (lãi suất nợ quá hạn 16.125%/năm) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và

Phát triển Việt Nam (lãi suất 17.55%/năm) để áp dụng cho trường hợp chậm thanh toán tiền hàng đối với Ông Trần Quan B là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu áp dụng mức lãi suất 13,5%/năm. Xét thấy mức lãi suất do nguyên đơn yêu cầu thấp hơn mức lãi suất theo quy định nên có căn cứ chấp nhận.

Tiền lãi chậm thanh toán trên nợ gốc 7.620.086.340 đồng, tính từ 16/9/2016 đến ngày 26/02/2021 như sau"

7.620.086.340 đồng x 13,5%/năm x 04 năm 05 tháng 10 ngày = 4.577.062.272 đồng.

3.4 Xét yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng số tiền 609.606.907 đồng:

Đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng Công ty yêu cầu ông Bảo phải trả là 609.606.907 đồng tương đương với 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm theo Điều 300 Luật thương mại "*Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nêú trong hợp đồng có thỏa thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này"*.Tại phiên tòa Công ty và ông B thống nhất thừa nhận ông B chỉ vi phạm nghĩa vụ chậm trả tiền mua hàng cho Công ty và không còn vi phạm nào khác đối với hợp đồng đã ký kết. Do đó, ngoài nghĩa vụ trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho công ty như đã phân tích trên thì ông Bảo không phải chịu thêm tiền phạt 8% do vi phạm hợp đồng theo yêu cầu của Công ty nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty yêu cầu ông B trả tiền phạt vi phạm với số tiền là 609.606.907 đồng.

3.5 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27 tháng 02 năm 2021) ông Trần Quan B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Án phí.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn GROBEST INDUSTRIAL phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 28.384.276 đồng. Công ty đã nộp 60.172.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007106 ngày 07 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được đối trừ, công ty được hoàn lại 31.787.724 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu.

- Ông Trần Quan B là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 50, Điều 300, Điều 301, Điều 306 Luật thương mại;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn GROBEST INDUSTRIAL (Việt Nam) đối với ông Trần Quan B – Chủ doanh nghiệp tư nhân T. Buộc ông Trần Quan B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn GROBEST số tiền mua hàng hóa còn nợ theo Hợp đồng phân phối thức ăn tôm số: 01HM, SM, SU, VA/BAL 2015 ngày 02/01/2015 và phụ lục hợp đồng số 05/2016 ngày 22/6/2016 tổng cộng là 12.197.148.612 đồng *(Bằng chữ: Mười hai tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm mười hai đồng)* bao gồm các khoản sau:

- Nợ gốc: 7.620.086.340 đồng *(Bằng chữ: Bảy tỷ, sáu trăm hai mươi triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm bốn mươi đồng).*

- Nợ lãi: 4.577.062.272 đồng. *(Bằng chữ: Bốn tỷ, năm trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi hai đồng).*

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/02/2021) ông Trần Quan B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn GROBEST INDUSTRIAL buộc ông Trần Quan B thanh toán tiền phạt vi phạm 609.606.907 đồng.

4. Về án phí:

4.1 Công ty Trách nhiệm hữu hạn GROBEST phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền 28.384.276 đồng. Công ty đã nộp 60.172.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007106 ngày 07 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được đối trừ án phí, công ty được hoàn lại 31.787.724 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu.

4.2 Ông Trần Quan B là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Minh Tân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Tân